

SỰ NGHIỆP BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ DÂN TỘC - VÀI NHẮN GỬI ĐẦU XUÂN

PGS. TS. NGUYỄN QUỐC HÙNG*

Thảm thoát đã hơn nửa thế kỷ kể từ khi Vụ Bảo tồn - Bảo tàng, thuộc Bộ Văn hóa (nay là Cục Di sản văn hóa, thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) được thành lập, để chuyên lo công tác bảo tồn di sản văn hóa của đất nước. Nhân dịp xuân Quý Tỵ (2013) đang đến, suy ngẫm về sự được, mất mong manh của một cái “nghiep” nhiều niềm vui nhưng cũng lắm truân chuyên, đối sánh đôi chút với đồng nghiệp quốc tế để sẻ chia cùng sự “thăng trầm” của di sản văn hóa và thiên nhiên của nước nhà.

Hơn năm thập niên trôi qua, dù đất nước trải qua nhiều biến động, có những thời điểm lịch sử khắc nghiệt, những người làm công tác bảo tồn di sản văn hóa nước ta luôn được sự ủng hộ của Đảng, Nhà nước và cộng đồng, đã gây dựng được một số thành quả nghề nghiệp rất đáng trân trọng. Về pháp lý, ngành đã có *Luật di sản văn hóa* (2001), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa* (2009). *Luật di sản văn hóa* mở phạm vi điều chỉnh ra cả di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể. Nhà nước ta cũng đã phê chuẩn một số Công ước của Tổ chức Giáo dục Văn hóa Khoa học Liên hiệp quốc (UNESCO), đặc biệt là *Công ước 1972 về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới*, *Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể*. Đến xuân này, cả nước đã có hơn 4 vạn di tích được kiểm kê. Trong đó, hơn 3 nghìn một trăm di tích được xếp hạng di tích quốc gia, hơn 6 nghìn 6 trăm di

tích được xếp hạng di tích cấp tỉnh. Trong số các di tích đã xếp hạng quốc gia, đã có 34 di tích được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, 5 di sản văn hóa và 2 di sản thiên nhiên được ghi vào Danh mục di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới theo Công ước 1972. Ngoài ra, còn có 30 bảo vật quốc gia, hơn 700 di sản văn hóa phi vật thể đã được nghiên cứu khoa học, 33 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, 2 di sản văn hóa phi vật thể nằm trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp theo Công ước 2003...

Những di sản văn hóa và thiên nhiên được tôn vinh ở các mức độ nêu trên là cơ sở để chúng ta khẳng định, kho tàng di sản văn hóa và thiên nhiên của nước ta rất phong phú, đa dạng, một số có giá trị ngoại hạng, nổi bật toàn cầu. Để có được các con số ấn tượng đó, những người làm công tác bảo tồn di sản văn hóa và thiên nhiên nước nhà đã phải lao động liên tục, bền bỉ suốt nhiều thập kỷ.

Tuy nhiên, việc nghiên cứu, kiểm kê, xếp hạng chỉ là một trong nhiều việc phải làm để bảo tồn di sản văn hóa và thiên nhiên của đất nước. Chúng ta còn phải quan tâm nhiều hơn đến việc bảo tồn toàn vẹn sự xác thực các giá trị của di sản, để phát huy giá trị và trao truyền cho các thế hệ mai sau. Gần 20 năm qua, thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, đã có hàng ngàn lượt di tích được đầu tư

* Phó Cục trưởng Cục Di sản văn hóa

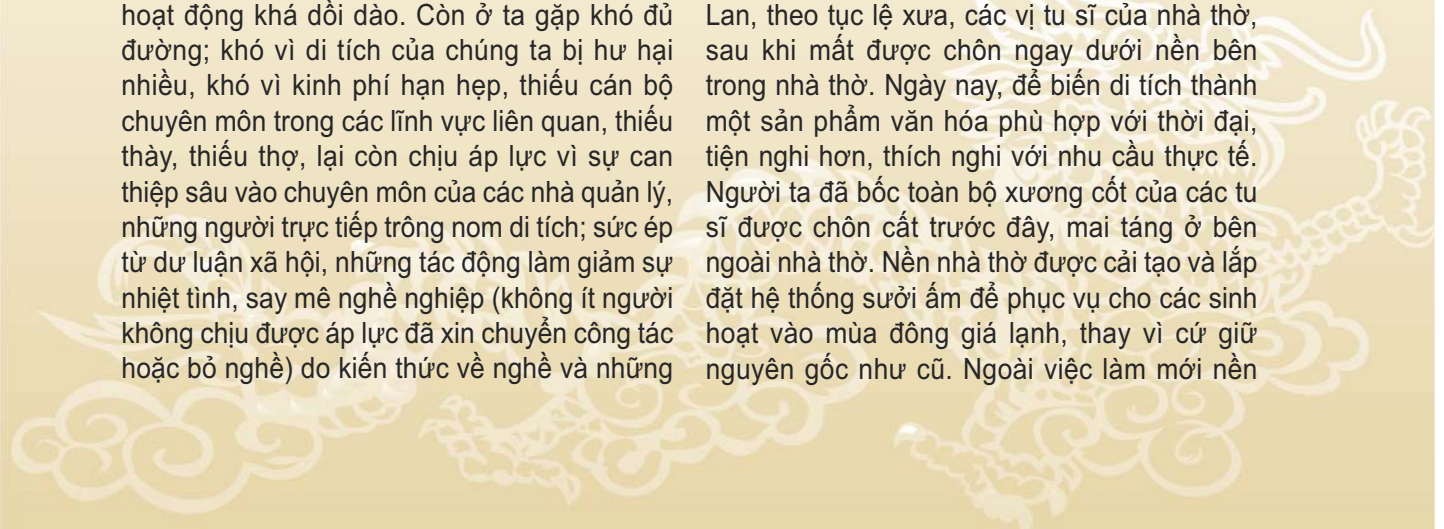
chống xuống cấp, hơn bảy trăm di sản văn hóa phi vật thể được nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa. Mỗi năm lại có thêm bảo tàng chuyên ngành, bảo tàng tư nhân ra đời. Nhiều bảo tàng được đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp về quy mô công trình, hình thức và nội dung, sưu tầm thêm hiện vật; số lượng các nhà sưu tầm cổ vật trong nước tăng nhanh, một số hội cổ vật ra đời, hoạt động có hiệu quả; các tổ chức và cá nhân đóng góp cho công tác bảo tồn di tích ngày càng tăng; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa và thiên nhiên được đẩy mạnh, vị thế của ngành trên thế giới và khu vực ngày càng được nâng cao. Mặc dù vậy, trong thực tế hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên, chúng ta đã gặp không ít khó khăn, thách thức. Nhiều vấn đề lý luận về phương pháp bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích còn đang có tranh cãi, bàn luận chưa ngã ngũ; thực trạng xuống cấp nhanh chóng của di tích đòi hỏi phải có giải pháp cứu vãn kịp thời, hữu hiệu; công tác quản lý di tích còn nhiều bất cập; di sản phi vật thể đang bị mai một nhanh chóng, nhiều bảo tàng còn chưa thực sự hấp dẫn...

Trong một đất nước mà công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa luôn nhận được sự quan tâm sâu rộng của Đảng, Nhà nước và cộng đồng, với sự phát triển mạnh mẽ của các phương tiện thông tin thời gian qua, ai cũng có thể nêu ý kiến, nên việc lựa chọn phương án nào cho việc tu bổ, phục hồi di tích luôn phải cân nhắc thận trọng. Ở các nước phát triển, các bạn đồng nghiệp hoạt động như có phần thoải mái hơn. Với tư cách một chuyên môn tương đối độc lập, các nhà trùng tu di tích có thẩm quyền và được tôn trọng đối với các quyết định nghề nghiệp của mình, kinh phí cho mỗi hoạt động khá dồi dào. Còn ở ta gặp khó đủ đường; khó vì di tích của chúng ta bị hư hại nhiều, khó vì kinh phí hạn hẹp, thiếu cán bộ chuyên môn trong các lĩnh vực liên quan, thiếu thày, thiếu thợ, lại còn chịu áp lực vì sự can thiệp sâu vào chuyên môn của các nhà quản lý, những người trực tiếp trông nom di tích; sức ép từ dư luận xã hội, những tác động làm giảm sự nhiệt tình, say mê nghề nghiệp (không ít người không chịu được áp lực đã xin chuyển công tác hoặc bỏ nghề) do kiến thức về nghề và những

động cơ rất khác nhau trước một công việc hết sức nhạy cảm.

Ở nước ngoài, trên cơ sở những quy định chung của UNESCO về sự toàn vẹn và tính xác thực của di sản văn hóa và thiên nhiên trong *Công ước bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới*. Ủy ban Quốc tế về di tích và di chỉ (ICOMOS) - tổ chức nghề nghiệp phi chính phủ đã đưa ra các Hiến chương hướng dẫn đồng nghiệp về việc tu bổ di tích sao cho phù hợp với từng loại hình chất liệu và từng khu vực trên thế giới. Vì vậy, hiện nay trên thế giới đang tồn tại một số "xu hướng" khác nhau về tu bổ di tích. Xu hướng châu Âu (Tây Âu), điển hình là các nhà trùng tu di tích Ý, những người theo xu hướng này luôn quan tâm giữ gìn nguyên trạng các di tích, điều này khá dễ hiểu vì ở những đất nước giữ quan điểm này, di tích chủ yếu làm bằng gạch, đá, quy mô khá đồ sộ, tương đối nguyên vẹn. Các nhà bảo tồn chỉ cần áp dụng các biện pháp kỹ thuật để giữ nguyên trạng di tích bằng cách gia cố, gia cường cho chúng bền vững. Những bộ phận còn lại của kiến trúc vẫn cho phép hình dung các giá trị cơ bản của di tích.

Tuy nhiên, ngay ở châu Âu (Đông Âu) vẫn tồn tại xu hướng phục hồi di tích như dáng vẻ ban đầu của nó, hoặc tương tự như vậy. Các nhà trùng tu di tích theo xu hướng này thấy cần phải phục hồi lại những di tích đã bị hư hại phần lớn, bộ phận còn lại không thể hình dung về thuở ban đầu của di tích hoặc những di tích đã bị hư hại hoàn toàn. Việc tu bổ, phục hồi các di tích này dựa trên một số tài liệu, bản vẽ, tranh minh họa, hoặc phương pháp phân tích, so sánh với các di tích tương tự. Bên cạnh quan điểm này còn có hình thức bảo tồn thích nghi. Trong một ngôi nhà thờ thời trung cổ ở Phần Lan, theo tục lệ xưa, các vị tu sĩ của nhà thờ, sau khi mất được chôn ngay dưới nền bên trong nhà thờ. Ngày nay, để biến di tích thành một sản phẩm văn hóa phù hợp với thời đại, tiện nghi hơn, thích nghi với nhu cầu thực tế. Người ta đã bóc toàn bộ xương cốt của các tu sĩ được chôn cất trước đây, mai táng ở bên ngoài nhà thờ. Nền nhà thờ được cải tạo và lắp đặt hệ thống sưởi ấm để phục vụ cho các sinh hoạt vào mùa đông giá lạnh, thay vì cứ giữ nguyên gốc như cũ. Ngoài việc làm mới nền



nhà thờ, các nhà trùng tu di tích còn cho sơn thép lại toàn bộ nội thất nhà thờ (trên cơ sở nghiên cứu màu sắc chất liệu gốc), khiến người thăm quan cảm nhận được cái vẻ ban đầu mới xây dựng của nhà thờ. Hoặc ở Nara - một di sản thế giới, kinh đô ở thế kỷ VIII (sau Công nguyên) của Nhật Bản, trên một khu vực rộng lớn, di tích trên mặt đất không còn. Sau khi tiến hành khai quật khảo cổ học, nghiên cứu các vết tích trong lòng đất. Các chuyên gia Nhật đã tiến hành bảo quản các di tích khảo cổ, đồng thời dựa vào nghiên cứu so sánh, đã phục hồi khá nhiều hạng mục trên mặt đất, như phục hồi cửa Chu Tước, góc thành phía Đông, một số đoạn tường thành và tòa Đại Cực điện. Một đồng nghiệp Nhật Bản cho biết, sau khi lắp đặt hệ thống chống động đất hiện đại cho Đại Cực điện, ngài Giám đốc Trung tâm Di sản thế giới đến kiểm tra di sản thế giới này đã phê bình công trình làm sai nguyên tắc phục hồi nguyên trạng di tích, vì ở thế kỷ VIII chưa có hệ thống chống động đất như vậy. Liên quan đến quan niệm về tu bổ di tích của giới trùng tu di tích Nhật Bản, ngài Giám đốc Công ty Tu bổ di tích của Ba Lan (PKZ) đã tâm sự với chúng tôi khi ở Warsaw đại loại như sau: “các chuyên gia Nhật áp dụng máy móc những quan điểm tu bổ di tích của ICOMOS khi hoạt động ở nước ngoài, nhưng ở trong nước, họ lại vận dụng khá thoải mái”. Nói đến Warsaw, chúng ta nhớ đến Trung tâm Lịch sử Warsaw, đã bị tàn phá đến 85% trong chiến tranh thế giới thứ II. Năm năm sau chiến tranh, một phần khu phố, bao gồm nhà thờ, quảng trường được xây dựng lại nhờ vào trí nhớ, tranh, ảnh, bản vẽ... Năm 1980, di sản này đã được ghi vào Danh mục di sản văn hóa thế giới của UNESCO. Đối với nước ta, việc phục hồi các di tích đã mất cực kỳ nan giải, do các di tích ở ta thuở xưa thường được xây dựng bằng kinh nghiệm và thói quen nghề nghiệp, mọi kích thước, hình thức của kiến trúc nằm trong đầu các bác thợ cả. Vì vậy, hầu hết công trình xây dựng không có bản vẽ thiết kế để lại như ở châu Âu. Duy nhất có cây thước tầm cho biết kích cỡ của các công trình kiến trúc được dựng lên theo quy mô truyền thống nào mà thôi. Hơn nữa, các di tích luôn mang dấu ấn của nhiều lần tu sửa, càng cổ kính càng được tu sửa nhiều lần, nên chọn phương án

phục hồi như thế nào khi di tích đã bị hư hỏng nặng hoặc hư hỏng toàn phần? Dùng phương pháp mô phỏng một phong cách kiến trúc bằng các so sánh với kiến trúc cùng thời, hay để cho di tích sụp đổ rồi cắm lên đó một tấm bia ghi dấu di tích? Nếu dùng phương pháp mô phỏng, may lắm cũng chỉ có thể áp dụng cho một vài loại hình di tích có niên đại từ thời Mạc (thế kỷ XVI) đến nay. Các di tích từ thời Mạc trở về trước rất khó tìm ra nguyên mẫu. Nếu áp dụng biện pháp chống đỡ khi di tích bị hư hại, đến khi di tích bị sụp đổ thì dựng lên đó một tấm bia ghi dấu, chỉ có thể làm được khi di tích không liên quan đến cộng đồng, còn di tích là ngôi đình, chùa, đền, miếu... của cộng đồng không thể để sụp đổ như vậy được. Người dân, dù nghèo khó đến mấy, cũng sẽ bằng mọi cách để cố gắng dựng lên một công trình trên nền cũ, dù rất khiêm tốn, để thờ cúng, tỏ tấm lòng với thần, Phật, tổ tiên, bày tỏ đạo lý “uống nước nhớ nguồn”. Chính nhờ những nỗ lực đó của các thế hệ trước, ngày nay chúng ta mới có cơ hội tiếp xúc với các di sản văn hóa. Trên thực tế chưa xảy ra chuyện để di tích sụp đổ rồi cắm bia, biển ghi dấu. Vì vậy, việc tu bổ, phục hồi dựa trên thực trạng di tích để đề xuất phương án phù hợp là rất cần thiết, tránh máy móc.

Trong các cuộc kháng chiến, hầu hết di tích bị bỏ bê, bị bom đạn, sự khắc nghiệt của thiên nhiên, sự thiếu ý thức của con người tàn phá. Di tích của nước ta phần lớn làm bằng chất liệu hữu cơ (gỗ, lạt, tranh, tre, nứa, lá), chỉ có kiến trúc đền - tháp Chăm ở miền Trung và Khơ Me Nam Bộ được xây bằng chất liệu vô cơ (gạch, đá). Sau chiến tranh, nhiều di tích đã bị hủy hoại gần như hoàn toàn. Có di tích chỉ còn cái vữa hoặc một bộ phận của kiến trúc ban đầu. Không ít di tích để nguyên thì còn hình hài, dỡ ra là hỏng hết. Vậy có tu bổ hay không? Những giải pháp để tu bổ các di tích này ở mức nào? Sự phức tạp không chỉ đặt ra cho những người quyết định việc bảo quản, tu bổ hay phục hồi di tích cụ thể, mà còn ở khâu lý luận. Làm sao để gạch ở tháp Chăm không bị mủn theo thời gian? Đã có những đơn vị trúng thầu tu bổ tháp Chăm phải “bỏ cửa chạy lấy người” khi đụng đến vấn đề hóc búa này, khi không được áp dụng các biện pháp thay thế hoặc gia cố bằng các viên gạch tương tự vào khu vực tháp



Gác chuông chùa Khánh Long (Duy Tiên, Hà Nam) - Ảnh: Quốc Vụ

Chăm đang bị mủn.

Từ nhiều năm qua, những người làm công tác tu bổ di tích vẫn kiên trì áp dụng các biện pháp gắn chắp, thay lõi, ốp mang, tổ hợp từng bộ phận, nhằm bảo vệ tối đa các yếu tố gốc của di tích. Tuy nhiên, việc này cũng chỉ có thể áp dụng đối với các di tích kiến trúc gạch đá và kiến trúc gỗ có mức độ hư hỏng khoảng dưới 50%. Còn rất nhiều di tích, sự hư hỏng lên mức trên 50%, bản thân di tích lại mang dấu ấn của việc tu bổ, sửa chữa ở nhiều thời kỳ khác nhau, việc chọn giải pháp nào để bảo quản, tu bổ hoặc phục hồi trở nên không đơn giản. Khi các chuyên gia Nhật Bản lựa chọn một số nhà cổ dân gian truyền thống ở một số tỉnh ở ta để tu bổ trong chương trình hợp tác Việt - Nhật, kinh phí do bạn tài trợ. Các chuyên gia Nhật cũng né tránh những di tích đã bị hư hỏng nặng, vì rất khó đưa ra các giải pháp tối ưu nhằm cứu vãn di tích, nếu không thay thế những hạng mục, cấu kiện di tích đã hỏng, không thể tận dụng để lắp lại vào di tích được nữa.

Một đặc điểm cơ bản ảnh hưởng đến tính ổn định, bền vững của di tích kiến trúc của người Việt là được làm bằng các chất liệu

không bền vững. Trước kia, các loại gỗ chưa khan hiếm như bây giờ. Gỗ dùng để xây dựng hoặc tu bổ di tích thường có độ tuổi trên trăm năm, nhưng sau vài năm vẫn phải tu, trung tu. Chu kỳ để đại tu di tích khoảng hai chục năm. Việc đảo ngói cho công trình phải làm thường niên. Điều đó thật dễ hiểu vì ngoài nguyên nhân là gỗ chóng mục, mọt ở các bộ phận tiếp xúc trực tiếp với mưa, nắng, các chi tiết nhỏ như rui, mè. Còn vì gỗ thường co ngót, thời tiết nước ta lại thay đổi thất thường, lúc hanh khô, khi ẩm ướt. Việc xử lý nền móng chân tảng kiến trúc không kỹ nên thường bị lún, nghiêng, gây ra sự chuyển vị của các cấu kiện, kéo theo sự biến dạng của bộ khung kiến trúc, làm hư hỏng các bộ phận chịu lực, như mộng, chốt. Ngày nay gỗ khan hiếm hơn, độ tuổi cũng thấp hơn. Gỗ lim trong nước không đủ, phải thay thế bằng các loại gỗ nhập khẩu, chất lượng kém, do đó chu kỳ xuống cấp của di tích còn nhanh hơn. Một khó khăn khác trong việc kéo dài tuổi thọ của di tích là công tác trùng tu di tích gỗ yêu cầu giữ lại các cấu kiện gốc (những cấu kiện này đã bị lão hóa theo thời gian tồn tại). Nếu tay nghề thợ không cao, cấu

kiến mới thay thế không ăn khớp với cấu kiện cũ. Nếu muốn công trình hoàn thiện như thuở ban đầu, phải gọt đẽo, kê kích rất kỳ công. Ở những di tích xử lý nổi vá, gắn chắp nhiều, làm sao để giữ cho di tích cân đối, ổn định không phải dễ. Đó là chưa kể một số di tích những cấu kiện thay mới chỉ ít năm đã mục, một do việc lựa chọn và xử lý gỗ không cẩn trọng...

Di tích ở ta gồm nhiều loại: di tích khảo cổ, di tích lịch sử, di tích kiến trúc nghệ thuật và danh lam thắng cảnh. Trong mỗi loại hình lại bao gồm những dạng khác nhau; di tích lịch sử có khi chỉ đơn thuần là địa điểm chứa đựng dấu tích một bãi chiến trường cách nay hàng mấy thế kỷ, gần như đã biến dạng. Một nắm mồ đất của danh nhân, phải tu bổ, phục hồi như thế nào cho xứng đáng với tầm vóc của danh nhân, của sự kiện, mà lại gọi cho người ngày nay về hồn, cốt của di tích xưa là cả một vấn đề nan giải. Nếu chỉ dùng một quy định, áp đặt cho tất cả các loại hình di tích, rõ ràng là rất khó phù hợp. Tuy nhiên, các quy định dù có chi tiết đến mấy cũng không thể điều chỉnh hết mọi ngõ ngách của cuộc sống vốn rất phong phú đa dạng. Vì vậy, luật như cái khung, các nhà chuyên môn, quản lý nghiên cứu, vận dụng vào từng trường hợp cụ thể. Song, những hoạt động đó lại gặp phải những luồng dư luận rất khác nhau, gây ra những áp lực rất lớn cho những người làm công tác trùng tu di tích. Di tích liên quan đến một nhân vật lịch sử cách nay hàng ngàn năm không có nghĩa là di tích đó xây dựng cách nay cả ngàn năm; đôi khi mới được vài ba năm, hoặc vài ba chục năm và được làm bằng các loại gỗ tạp, do lòng thành kính của các nhà hảo tâm dựng lên để duy trì nơi thờ cúng các bậc tiền nhân có công với dân, với nước, không mấy giá trị về kiến trúc, nghệ thuật, nay đã hư hỏng nặng. Việc dỡ ra tu sửa, thay thế bằng một công trình kiến trúc phù hợp với truyền thống hơn, vật liệu bền vững hơn, nhưng vẫn “lãnh đủ” búa rìu dư luận. Một vài người cho rằng, nên giữ lại những công trình cũ đó, tuy không có giá trị về mặt kiến trúc nghệ thuật, nhưng là vật chứng của một thời đã qua dù rất ngắn. Một số khác gây ồn ào cho rằng, đã phá đi di tích hàng ngàn năm tuổi.

Theo hướng dẫn của Trung tâm Di sản thế giới (từ năm 2005), điều đầu tiên trong việc giữ

gìn tính xác thực của di sản là phải giữ được nguyên vị trí ban đầu của kiến trúc từ lúc khởi dựng. Tuy nhiên, do những nguyên nhân khác nhau về tâm linh, hoặc vì sự thay đổi địa hình, nên không ít di tích của ta trước đây đã phải di chuyển khỏi vị trí ban đầu. Đình phải chuyển về vị trí mới để tạo phúc cho làng, chùa phải chuyển vào trong đê cho khỏi rớt xuống sông. Ngày nay, tốc độ đô thị hóa, hiện đại hóa đang diễn ra nhanh chóng, đường mới được quy hoạch chạy ngang qua sân di tích, mặt đường đổ cao hơn di tích, vậy có nâng nền di tích lên không? Di tích có được chuyển dịch cách xa đường cái hay không? Một số nơi làm tốt công tác tuyên truyền, vận động việc di chuyển, nâng nền khá êm thấm, một số nơi làm không tốt xảy ra kiện tụng kéo dài.

Một yếu tố khác liên quan đến sự toàn vẹn của di sản là mặt bằng quy hoạch, thiết kế và hình dáng kiến trúc phải được giữ nguyên trạng sau khi tu bổ. Tuy nhiên, xưa kia những yếu tố này luôn thay đổi theo thời cuộc. Khi thịnh, di tích được trung tu, đại tu, mở mang to lớn về quy mô kiến trúc, nhiều hạng mục được xây mới, tô thêm tượng, đúc thêm chuông, dựng thêm bia. Khi suy, di tích chỉ được tiểu tu, thu hẹp hoặc bị bỏ bê, hoang tàn đổ nát. Đến khi thịnh lại xây mới, mở mang. Một quy hoạch như thế không khỏi mang tính dễ dãi nếu không nói là tùy tiện, chấp vá. Vậy chúng ta sẽ chọn giải pháp nào cho mặt bằng tổng thể các di tích đang chấp vá, lộn xộn? Khi có điều kiện nên sắp xếp lại cho đúng tính chất của từng loại hình kiến trúc nếu đủ tư liệu hoặc có tài liệu so sánh, bảo đảm giữ nguyên thiết kế và hình dáng các hạng mục di tích, loại bỏ những công trình chấp vá, tạm bợ không phù hợp với di tích.

Việc sử dụng chất liệu, màu sắc, công nghệ và phương pháp tu bổ di tích liên quan trực tiếp đến tính xác thực của di tích cũng thay đổi theo thời gian. Những năm giữa thế kỷ trước, người ta dùng các vật liệu như xi măng để trám vào các phần hư hỏng, mục nát của di tích ở Ăng Ko, dùng gạch xây chống đỡ tường đầu trường Colosseum ở Ý. Tại Nhật, ngoài ví dụ về phục hồi di tích Nara, người Nhật cũng đã dùng xi măng thay gỗ để phục dựng khá nhiều công trình di tích bị hư hại trong chiến tranh. Những năm thập niên tám mươi thế kỷ trước, ta cũng

áp dụng kỹ thuật dùng xi măng nhồi vào các cột gỗ bị mục, một để gia cố, tăng sức chịu lực của các cột. Một số hạng mục di tích được phục hồi, tôn tạo bằng xi măng, gỗ trong nước khan hiếm phải nhập gỗ từ nước ngoài thay thế. Ngày nay, không ít nhà chuyên môn phê phán việc sử dụng nguyên liệu thay thế làm thay đổi sự xác thực của di tích. Từ giữa đến cuối thế kỷ XX, máy móc, dây chuyền công nghệ hiện đại được sử dụng để sản xuất ra các vật liệu dùng để tu bổ di tích, như gạch, ngói bằng đất nung, thanh ngói bằng gỗ... nay được khuyến khích sử dụng công nghệ thủ công truyền thống. Không ít di tích ở phương Tây thế kỷ trước được phục hồi bằng sơn hiện đại, nay được khuyến khích sử dụng các chất liệu sơn phủ truyền thống. Ở ta thời đó cũng không ngoại lệ, sơn Nhật, sơn công nghiệp, vàng, bạc ngoại được dùng để sơn phủ tượng, trang trí kiến trúc, gạch men ốp các ban thờ, lát nền kiến trúc thay thế các loại sơn ta, vàng quý, gạch Bát truyền thống. Những cách làm như vậy cần được sớm điều chỉnh.

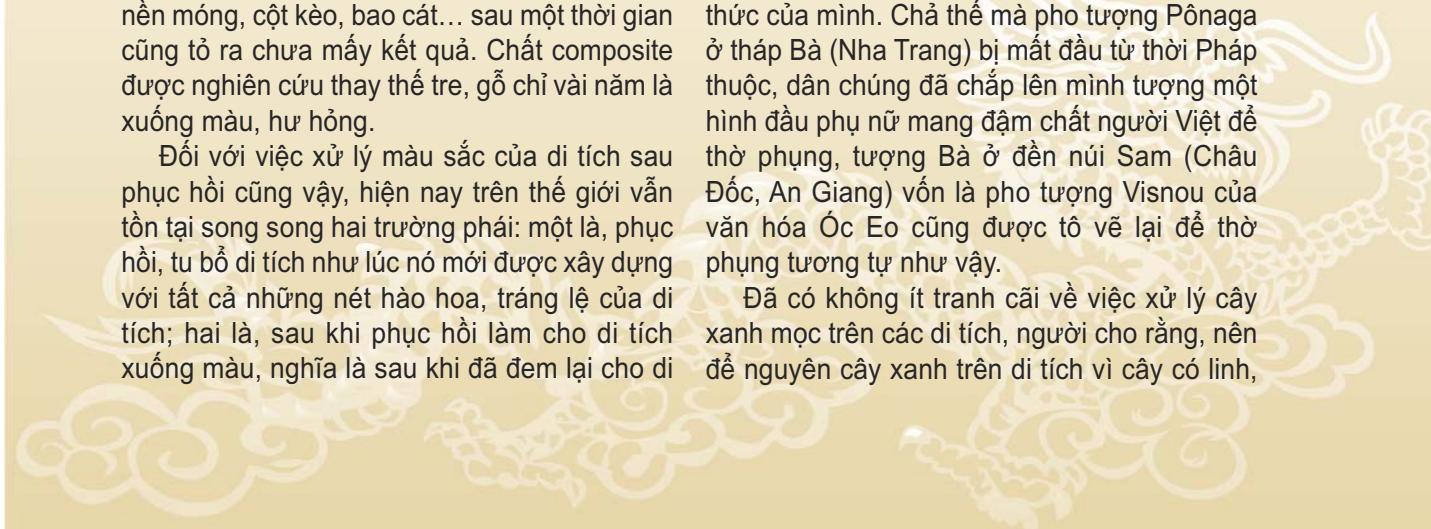
Chất liệu thay thế dùng trong tu bổ di tích cũng là vấn đề nan giải, các di tích là bãi chiến trường, căn cứ cách mạng được làm tạm bợ. Lán trại dựng bằng cây cối chặt xung quanh chỗ đóng quân, hầm hào lộ cốt được đào và che chắn, gia cố bằng bao cát. Các di tích này phục hồi đã rất khó vì không có nhiều tư liệu, di tích thường bị biến dạng hoặc hủy hoại rất nhanh, sau một thời gian tu bổ, lại bị mưa, nắng bào mòn, lún sụt, nhà cửa, lán trại phục hồi bằng tranh tre nứa lá lâu thì tồn tại được dăm năm, nhanh chỉ vài tháng là mục, một, các bao dừa đựng cát cũng chỉ chịu được một vài năm là hỏng. Việc sử dụng xi măng giả đất, giả cây để gia cố tường hầm, hào, địa đạo, đường đi, nền móng, cột kèo, bao cát... sau một thời gian cũng tỏ ra chưa mấy kết quả. Chất composite được nghiên cứu thay thế tre, gỗ chỉ vài năm là xuống màu, hư hỏng.

Đối với việc xử lý màu sắc của di tích sau phục hồi cũng vậy, hiện nay trên thế giới vẫn tồn tại song song hai trường phái: một là, phục hồi, tu bổ di tích như lúc nó mới được xây dựng với tất cả những nét hào hoa, tráng lệ của di tích; hai là, sau khi phục hồi làm cho di tích xuống màu, nghĩa là sau khi đã đem lại cho di

tích những vóc dáng, màu sắc ban đầu, lại phải tìm các biện pháp để cho di tích xuống màu. Cũng có những di tích được tu bổ nằm giữa hai trường phái đó, có hạng mục để mới, có hạng mục cho xuống màu, tùy theo ý kiến của các nhà trùng tu di tích. Tại Nara, Nhật Bản hoặc tại Cố cung ở tử cấm thành Bắc Kinh, chúng ta dễ dàng bắt gặp các cung điện được sơn son, thếp vàng mới tinh, không ai nghĩ đến việc làm cho chúng xuống màu. Người Pháp thời gian gần đây cũng đã thay đổi quan điểm khi tu bổ cung điện Véc Xay. Ngoài những bức tranh tường được phục hồi với những màu sắc tươi mới, các cán bộ trùng tu di tích này còn cho thếp vàng lại phía ngoài kiến trúc. Một điều mới trong tu bổ di tích này nữa là, trước đây người ta đưa những khối đá không chạm khắc đặt trên bờ nóc cung điện, thay thế những pho tượng đã bị hư hại (việc này cũng đã được thực hiện ở các di tích như Ăng Ko (Căm Pu Chia), Bôrobudur (Indonesia)... Gần đây, họ đã cho tạc lại những pho tượng mới thay thế các khối đá cũ.

Việc tu bổ, phục hồi các di tích kiến trúc đã khó, công tác tu bổ, phục hồi đồ nội thất cũng khó khăn không kém. Trong nhiều di tích, đồ nội thất đã bị mất hoặc hư hại gần hết, có phục hồi hay không, phục hồi như thế nào? Xưa kia, chưa có khoa học về bảo tồn di sản văn hóa, các công trình kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo được xây dựng, mở mang, tô tượng, đúc chuông, đục bia, làm lại hoành phi, câu đối, đại tự, hương án, long ngai bài vị... càng to lớn, lộng lẫy, càng chứng tỏ được lòng thành với các vị được thờ. Người Việt cũng như người trong khu vực Đông Nam Á không chấp nhận việc thờ phụng những bức tượng không toàn vẹn, những hình ảnh không phù hợp với tâm thức của mình. Chả thế mà pho tượng Pônaga ở tháp Bà (Nha Trang) bị mất đầu từ thời Pháp thuộc, dân chúng đã chấp lên mình tượng một hình đầu phụ nữ mang đậm chất người Việt để thờ phụng, tượng Bà ở đền núi Sam (Châu Đốc, An Giang) vốn là pho tượng Visnou của văn hóa Óc Eo cũng được tô vẽ lại để thờ phụng tương tự như vậy.

Đã có không ít tranh cãi về việc xử lý cây xanh mọc trên các di tích, người cho rằng, nên để nguyên cây xanh trên di tích vì cây có linh,



đã in đậm trong tâm thức người dân. Tuy nhiên, cây xanh vốn là kẻ thù của kiến trúc - cây, cỏ mọc lên phá hoại kiến trúc. Kiến trúc khi mới xây không có cây, cỏ, nhưng do bị bỏ bê, không chăm sóc nên hoang phế, cây cỏ mọc lên phá hủy kiến trúc ngày càng nhanh. Muốn tu bổ, phục hồi di tích như nguyên gốc, không thể không triệt hạ những nguyên nhân gây hại cho di tích, trước hết là hệ thống cây, cỏ mọc trên di tích. Nhưng làm thế nào để vừa trả cho di tích dáng vẻ ban đầu, vừa giữ được vẻ cổ kính vốn đã hằn sâu trong tâm khảm người dân địa phương đã hàng chục, thậm chí hàng trăm năm là một bài toán luôn luôn khó. Bởi không loại bỏ các nguyên nhân gây hại cho di tích, không thể nói đến chuyện tu bổ, phục hồi di tích. Mà việc loại bỏ cây cũng làm di tích có vẻ trần trụi, ít cảm xúc, cắt cổ lộ ra chân móng, làm di tích có vẻ cao hơn, nhưng cũng dễ tác động đến tình cảm của những người ưa hoài cổ. Điều này dựa vào sự tính toán khôn ngoan, hợp lý của các nhà tu bổ cho từng di tích.

Một yếu tố cấu thành nên tính xác thực và sự toàn vẹn của di tích là các văn hóa phi vật thể tại di tích phải được giữ nguyên như vốn có sau khi di tích được tu bổ. Trong quá trình tồn tại di sản văn hóa phi vật thể nói chung, di sản văn hóa phi vật thể tại các di tích nói riêng luôn có sự điều chỉnh bổ sung. Nhiều tài liệu văn tự và truyền miệng cho biết, trong thời kỳ quân chủ, không ít lần Nhà nước quân chủ ban bố những quy định về phẩm trật cho các vị thần được thờ, điều chỉnh việc tế lễ, quy cách trang trí, sử dụng đồ tế tự, vật phẩm cúng tế, đám rước, thời gian hội hè... Từ khi thành lập chính quyền mới, Đảng và Nhà nước ta ban hành nhiều quy định về lễ hội, nhằm giảm bớt những hủ tục, bài trừ mê tín dị đoan. Việc xây dựng các kịch bản mới cho lễ hội một cách áp đặt đã gặp phải nhiều ý kiến phản đối. Trong quá trình phát triển, nhiều lễ hội truyền thống tại di tích đã bị tác động mạnh, những con đường phục vụ đám rước đã bị ngăn lại bằng các tòa nhà cao tầng, nhà máy, xí nghiệp, đường giao thông. Thời gian lễ hội ngắn lại, những dụng cụ phục vụ lễ hội bị hư hỏng. Trong làn sóng đổi mới của đất nước, ở các di tích được xếp hạng, tu bổ, tôn tạo nhiều lễ hội đã được phục hồi.

Việc bảo quản các di tích khảo cổ dưới lòng đất sau khi khai quật thời gian qua cũng đã nổ ra nhiều cuộc tranh luận. Do khí hậu thời tiết ở nước ta, nếu để nguyên trạng sau khi khai quật, các di tích khảo cổ dưới lòng đất thường bị ngập nước vào mùa mưa, rêu mốc vào mùa khô. Nếu làm mái che, xây chắn nước ngầm, di tích lại bị khô nẻ. Còn lấp lại, các nhà nghiên cứu, nhân dân không được tiếp cận trực tiếp với di tích. Đây là một vấn nạn không chỉ đối với các di tích khảo cổ ở nước ta. Ngay Nhật Bản giàu có, phát triển việc bảo quản các di tích dưới lòng đất ở Nara sao cho phù hợp vẫn là một câu hỏi lớn.

Phác qua vài nét chấm phá về hoạt động bảo tồn di sản văn hóa lúc xuân về, chợt thấy ngổn ngang, từ lý luận đến thực tiễn còn nhiều điều trăn trở. Bên cạnh đó, đội ngũ những người làm công tác này còn phải đối diện với nhiều khúc mắc, như cơ quan tư vấn, cơ quan giám sát, thi công không/chưa nắm được/kỹ các văn bản quy phạm pháp luật của ngành; không có kiến thức/kinh nghiệm chuyên môn về tu bổ di tích, nên chiều theo ý kiến của một số nhà lãnh đạo địa phương, muốn làm cho di tích “khang trang, xúng tằm”. Dân địa phương, người trông nom di tích không muốn các vị được thờ ở trong những kiến trúc chắp vá mà họ cho là làm mất vẻ tôn nghiêm, thành kính. Thực tế đó đã dẫn đến tình trạng thay thế, làm mới hoàn toàn, hoặc một bộ phận di tích, đồ thờ cúng khác lạ so với truyền thống. Trong nhiều trường hợp, sức ép là rất lớn, khiến các nhà chuyên môn tại địa phương, các cơ quan tư vấn, thi công dẫu biết các ý kiến tác động, hiện vật cung tiến chưa đúng, nhưng vẫn cứ phải thực hiện theo ý những người có quyền, cầm tiền.

Từ nhiều thập kỷ qua, chúng ta vẫn mong ước ở nước ta có những phòng thí nghiệm đạt chuẩn quốc tế và khu vực để thực hiện việc nghiên cứu tu bổ, phục hồi di tích, di vật, nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được. Việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, di vật vẫn chỉ dừng ở tình trạng định tính. Di tích, di vật chưa được nghiên cứu sâu để định lượng. Chúng ta chưa thiết lập được các dữ liệu về thành phần cấu tạo của các chất liệu, độ chịu lực, chịu nén, độ ngậm nước..., các tác động làm ảnh hưởng đến di tích, di vật, chưa có các vật liệu để xử lý bảo

quản các loại chất liệu khác nhau, chưa đề xuất được các giải pháp xử lý cụ thể cho từng di tích, di vật. Có một vài viện nghiên cứu thuộc Bộ Xây dựng đã tiến hành các nghiên cứu về vật liệu, kết cấu, chống ẩm, mốc... Nhưng các nghiên cứu này vẫn còn nằm trong phòng thí nghiệm, chưa được triển khai trong thực tiễn bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích. Hầu như các thành tựu khoa học - kỹ thuật tiên tiến chưa xâm nhập được vào công tác bảo quản, phục hồi di tích, di vật ở nước ta. Đảm nhiệm công tác này vẫn là những người thợ không được đào tạo và tuyển dụng bài bản. Thợ ngày nay đa phần tự học theo lối truyền nghề trực tiếp trong mỗi hiệp thợ. Khi có việc, các đơn vị trúng thầu thi công mới tuyển dụng họ đi làm theo chế độ làm khoán, hết việc lại trở về địa phương. Làm như vậy thì các đơn vị/công ty có chức năng tu bổ di tích không phải nuôi đội ngũ thợ khi không có việc, nhưng cũng xảy ra tình trạng khi có việc lại không có thợ, hoặc thợ kém chất lượng cũng phải thuê để thực hiện công trình. Một thợ giỏi đôi khi được gọi tham gia cùng lúc nhiều công trình, vì vậy không tránh khỏi ảnh hưởng đến chất lượng tu bổ di tích. Trong khi việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cần những cán bộ tư vấn, kỹ sư thi công, người thợ vừa phải có tâm (có đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp) để không bị các áp lực phi chuyên môn chi phối, vừa phải có tầm (giỏi chuyên môn, tay nghề cao) để thể hiện được những yêu cầu về kỹ, mỹ thuật của việc bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích.

Nói đến sự bất cập trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích trong giai đoạn hiện nay, ai cũng thấy sự phát triển ảnh hưởng tiêu cực đến di tích rất nhiều. Vấn đề này không chỉ xảy ra ở Việt Nam và các nước đang phát triển và đã có rất nhiều cuộc họp của Ủy ban Di sản thế giới khuyến cáo về tình trạng xây dựng,

phát triển xâm hại di tích. Sự xâm hại có thể đến từ nhiều góc độ, xây cầu, làm đường đi vào khu vực di tích; xây tháp cao lấn át di tích; làm đập thủy điện nhấn chìm hàng loạt di sản dưới lòng nước; mở rộng sân vận động gây hại đến thành phố di sản văn hóa...

Ở ta, có tình trạng hoạt động xây dựng, sản xuất, cư trú trong khu vực di tích trước khi được xếp hạng. Sau khi di tích được xếp hạng, một số hoạt động, công trình ảnh hưởng đến sự toàn vẹn của di tích phải di dời, vậy nên xếp hạng hay không? Các văn bản quy phạm pháp luật ở nước ta về di sản văn hóa đã khá đầy đủ, nhưng vẫn còn lỗ hổng, chưa có những quy định cụ thể về bộ máy quản lý di tích, phân cấp quản lý di tích chồng chéo. Công tác quản lý cổ vật chưa thật chặt chẽ, cụ thể, quy định về di sản thiên nhiên khá sơ lược, đơn giản. Một số cán bộ địa phương buông lỏng quản lý tu bổ di tích bằng nguồn vốn xã hội hóa, để xảy ra tình trạng “lách luật”, “phép vua thua lệ làng” thặng thê, tạo nên những phản ứng gay gắt của dư luận xã hội hết năm này qua năm khác. Một số di tích không được bảo vệ tốt, di vật, cổ vật trong di tích vẫn còn bị mất cắp.

Công việc bảo tồn di sản văn hóa và thiên nhiên ở nước ta vẫn còn đầy vô vàn khó khăn, thách thức, dù đã đi được hơn nửa thế kỷ. Nhân dịp xuân về có đôi dòng gợi mở về những sự nên làm, nên tranh luận, tìm hướng cho di sản văn hoá của đất nước ta được giữ gìn đúng luật, phù hợp với xu thế chung của bè bạn năm châu, thuận theo truyền thống dân tộc, đúng với thực trạng của từng di sản văn hoá trong sự phát triển bền vững, củng cố niềm tin của các bạn đồng nghiệp về những vận hội mới trong tương lai./.

N.Q.H

Nguyễn Quốc Hùng: The Work of Preservation and Promotion of the Values of National Cultural Heritage - Some Messages from Early Spring

The paper reviews some figures on the achievements, difficulties, challenges in the real situation of the sector in recent years. The shortcomings of theories, or the combination between national traditions and international regulations, the harmony between village custom and nation's laws. The paper shows the obstacles and pressures that the sector has overcome to do its work such as the lack of knowledge of officers in the sector, provinces, public and heritage keepers as well as the weakness of professional workers and preservers. It also provides some experiences in real activities to inspire the sector's staff to do better job while the spring is coming.